

Phụ lục 1

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG/PHÙ HỢP VÀ NGÀNH GẦN THI TUYỂN THẠC SĨ

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần/ khác
1.	Báo chí học/Báo chí học	Báo chí/Truyền thông đa phương tiện, quan hệ công chúng/Truyền thông quốc tế	Văn học, Ngôn ngữ, Chính trị học, Quốc tế học, Xã hội học, Lịch sử, Triết học, Luật, Nhân học, Khoa học quản lý, Tâm lý học, Thông tin học, Quan hệ quốc tế, Đạo diễn sân khấu, Đạo diễn điện ảnh - truyền hình, Quay phim, Xuất bản.
2.	Báo chí học (định hướng ứng dụng)	Báo chí/Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng, Truyền thông quốc tế	Văn học, Ngôn ngữ học, Chính trị học, Quốc tế học, Lịch sử, Xã hội học, Văn hóa học, Triết học, Luật, Kinh tế, Nhân học, Khoa học quản lý, Tâm lý học, Thông tin học, Xuất bản – Phát hành, Quan hệ quốc tế, Thông tin đối ngoại, Đạo diễn truyền hình, Biên tập truyền hình, Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế, Quảng cáo và Marketing, Xuất bản. <i>Tốt nghiệp các ngành khác phải có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn.</i>
3.	Chính sách công	Khoa học quản lý, Chính trị học, Luật (phải học BTKT 12 tín chỉ) và được dự thi ngay trong năm tốt	- Ngành gần: Triết học, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Báo chí, Quản lý văn hóa, Quản trị văn phòng, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Quản lý nhà nước, Quản trị nhân lực, Công tác xã

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần/ khác
		<p>ngiệp</p>	<p>hội, Quản lí nhà nước về an ninh trật tự (phải học BTKT 15 tín chỉ) và phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm liên quan đến chuyên ngành dự thi.</p> <p>- Các ngành khác (phải học BTKT 24 tín chỉ) có ít nhất 02 năm kinh nghiệm và phải đang công tác trong lĩnh vực phân tích và hoạch định chính sách (Cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân các cấp); người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy trong lĩnh vực quản lí, chính sách tại các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học công nghệ khác.</p>
4.	Chính trị học/Chính trị học	Chính trị học/Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế	Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự
5.	Chính trị học/Chính trị học (định hướng ứng dụng)	Chính trị học/Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý	Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần/ khác
		nhà nước, Quan hệ quốc tế	học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự
6.	Chính trị học/Hồ Chí Minh học	Chính trị học/Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế	Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự
7.	Công tác xã hội/Công tác xã hội	Công tác xã hội	Xã hội học, Tâm lý học, Giáo dục đặc biệt, Khoa học Quản lý, Đông Phương học, Báo chí, Chính trị học/Su phạm giáo dục chính trị, Triết học, Luật học, Nhân học, Lịch sử (có định hướng chuyên ngành Nhân học)
8.	Công tác xã hội/Công tác xã hội (định hướng ứng dụng)	Công tác xã hội	Xã hội học, Tâm lý học, Giáo dục đặc biệt, Chính trị học/Su phạm giáo dục chính trị, Nhân học, <i>Những người có bằng đại học các ngành khác có ít nhất 2 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực CTXH (tính từ thời điểm</i>

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần/ khác
			tốt nghiệp đại học)
9.	Đông phương học/Châu Á học	Đông phương học/ Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Quốc tế học, Khu vực Thái Bình Dương học	Quan hệ quốc tế, Việt Nam học, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Ả rập, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Nhật Bản, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Sư phạm tiếng Nhật, Sư phạm tiếng Trung
10.	Du lịch/Du lịch	Du lịch/Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Hướng dẫn viên du lịch	Việt Nam học, Khoa học Quản lý, Quản lý Văn hóa, Quản trị Kinh doanh Người có bằng tốt nghiệp ngành khác phải có ít nhất 03 năm làm việc liên tục trong lĩnh vực du lịch tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học
11.	Hán Nôm/Hán Nôm	Hán Nôm/ Ngữ văn (Hán Nôm)	Ngôn ngữ Trung Quốc, Trung Quốc học, Sư phạm tiếng Trung Quốc.
12.	Khoa học quản lí	Khoa học quản lí/Quản lí xã hội	Quản lý công, Chính sách công, Chính sách Khoa học và Công nghệ, Hành chính công; Quản lý nhân lực; Quản trị kinh doanh; Khoa học chính trị; Quản lý kinh tế, Khoa học môi trường; Điều khiển học kinh tế, Quản lý công nghệ và doanh nghiệp, Quản lý Môi

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần/ khác
			trường, Quản lý giáo dục, Xã hội học, Công tác xã hội, Quản lý du lịch, Hệ thống thông tin trong quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý văn hóa, Quản lý giáo dục và các ngành khác có liên quan đến lĩnh vực quản lý
13.	Lịch sử sử học và sử liệu học	Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học
14.	Lịch sử/ Lịch sử văn hóa Việt Nam	Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học
15.	Lịch sử/Khảo cổ học	Lịch sử/Sư phạm Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học, Bảo tàng học
16.	Lịch sử/Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học
17.	Lịch sử/Lịch sử thế giới	Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học
18.	Lịch sử/Lịch sử Việt Nam	Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần/ khác
			Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học
19.	Lưu trữ và quản trị văn phòng/Lưu trữ học	Lưu trữ học và quản trị văn phòng/ Lưu trữ học	Lịch sử, Văn học, Văn hóa học, Quản lý giáo dục, Báo chí, Luật, Chính trị học, Quản trị văn phòng, Quản lý nhà nước, Hành chính học, Công tác xã hội, Đông phương học, Hán Nôm, Khoa học quản lý, Khoa học thư viện, Nhân học, Quốc tế học, Tâm lý học, Thông tin học, Triết học, Việt Nam học, Xã hội học, Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
20.	Lưu trữ và quản trị văn phòng/Lưu trữ học (định hướng ứng dụng)	Lưu trữ học và quản trị văn phòng/ Lưu trữ học	Lịch sử, Văn học, Văn hóa học, Quản lý giáo dục, Báo chí, Luật, Chính trị học, Quản trị văn phòng, Quản lý nhà nước, Hành chính học, Công tác xã hội, Đông phương học, Hán Nôm, Khoa học quản lý, Khoa học thư viện, Nhân học, Quốc tế học, Tâm lý học, Thông tin học, Triết học, Việt Nam học, Xã hội học, Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước (không yêu cầu kinh nghiệm công tác)
21.	Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh - truyền hình	Công nghệ điện ảnh – truyền hình, Đạo diễn điện ảnh – truyền hình, Biên kịch điện ảnh – truyền hình, Lý luận và phê bình điện ảnh – truyền hình, Quay phim điện ảnh,	Sư phạm Ngữ văn, Văn hóa học, Báo chí, Xã hội học, Tâm lý học, Lịch sử, lý luận và phê bình mỹ thuật, Thiết kế mỹ thuật sân khấu-điện ảnh, Nhiếp ảnh, Công nghệ điện ảnh – truyền hình, Thông tin học, Quan hệ công chúng, Quốc tế học, Đông phương học, Ngôn ngữ học; Biên kịch sân khấu; Diễn viên sân khấu kịch hát; Diễn viên

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần/ khác
		<p>Diễn viên kịch – điện ảnh, Đạo diễn sân khấu, Hội họa, Điều khắc, Kiến trúc, Đồ họa, Thiết kế đồ họa, Văn học, Lý luận và phê bình sân khấu, Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật</p>	<p>múa; Huấn luyện múa; Biên đạo múa; Lý luận, phê bình múa; Âm nhạc học; Sáng tác âm nhạc; Chỉ huy âm nhạc; Thiết kế âm thanh, ánh sáng; Quản lí văn hóa; Sáng tác văn học; Các ngành thuộc nhóm Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (mã số 522202)</p> <p>Ngành khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học và có thêm bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành Đạo diễn, Quay phim, Biên kịch của Trường Cao đẳng Sân khấu – Điện ảnh TP. Hồ Chí Minh - Đã hoàn thành chương trình bổ túc kiến thức đại học ngành Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh – truyền hình (gồm 25 tín chỉ) - Có ít nhất 3 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh – truyền hình kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học.
22.	Ngôn ngữ học/Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ học/Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	<p>Ngữ Văn, Sư phạm Ngữ Văn, Văn học, Hán Nôm, Việt Nam học, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ A rập, Đông phương học, Châu Á học, Đông Nam Á học, Nhân học, Báo chí, Tâm lý học.</p>

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần/ khác
23.	Nhân học	Nhân học/Lịch sử (định hướng chuyên ngành Dân tộc học)	Xã hội học, Công tác xã hội, Tâm lí học, Việt Nam học, Văn hóa học, Chính trị học, Văn hóa dân tộc thiểu số Việt Nam, Bảo tàng học.
24.	Quản lí Khoa học và Công nghệ	Khoa học quản lí	Tất cả các ngành (yêu cầu có ít nhất 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành dự thi)
25.	Quản lí Khoa học và Công nghệ (định hướng ứng dụng)	Khoa học quản lí	Tất cả các ngành (yêu cầu có ít nhất 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành dự thi)
26.	Quản trị văn phòng	Quản trị văn phòng/Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	<p>Khoa học quản lí, Khoa học chính trị, Quản lí nhà nước, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lí, Lưu trữ học, Thông tin học, Khoa học thư viện.</p> <p>Ngành khác phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác liên quan đến chuyên ngành dự thi gồm: Báo chí, Công nghệ thông tin, Công tác xã hội, Kế toán, Giáo dục học, Lịch sử, Luật học, Nhân học, Ngôn ngữ (Anh, Pháp, Nga), Quản lí văn hóa, Tài chính – Ngân hàng, Tâm lí học, Thống kê, Toán học, Xã hội học</p>

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần/ khác
27.	Quốc tế học/Quan hệ quốc tế	Quốc tế học, Quan hệ quốc tế	Lịch sử, Triết học, Kinh tế học, Luật học, Chính trị học, Châu Á học/Đông Phương học, Việt Nam học, Xã hội học, Văn hóa học, Nhân học, Tôn giáo học, Báo chí học, Quan hệ công chúng, Thông tin đối ngoại, Chính sách công, Công tác xã hội, Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài.
28.	Tâm lí học/Tâm lí học	Tâm lí học/Tâm lí giáo dục	Xã hội học, Công tác xã hội, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Nhân học, Sư phạm mẫu giáo, Y tế công cộng; Quản lý giáo dục.
29.	Tâm lí học/Tâm lí học lâm sàng	Tâm lí học/Tâm lí học Giáo dục	Công tác xã hội, Xã hội học, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Nhân học, Y tế công cộng, Y đa khoa, Y học dự phòng
30.	Thông tin thư viện/Khoa học thông tin thư viện	Thông tin - Thư viện/ Thư viện – Thông tin; Thông tin học; Quản trị thông tin; Thông tin học & Quản trị thông tin; Khoa học Thư viện; Thư viện học	Lưu trữ học, Lịch sử, Bảo tàng học, Xuất bản, Báo chí, Quan hệ công chúng, Văn hóa học, Quản lí văn hóa, Quản trị văn phòng; Truyền thông quốc tế, Hệ thống thông tin quản lí, Khoa học quản lí
31.	Triết học/Chủ nghĩa xã hội khoa	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa	Giáo dục công dân, Lịch sử, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Xã hội

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần/ khác
	học	học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.	học, Tâm lí học, Kinh tế chính trị, Văn hóa học.
32.	Tôn giáo học/Tôn giáo học	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.	Giáo dục công dân, Lịch sử, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Xã hội học, tâm lí học, Kinh tế chính trị, Văn hóa học
33.	Tôn giáo học/Tôn giáo học (định hướng ứng dụng)	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.	<p>Tâm lí học, Xã hội học, Khoa học quản lí, Nhân học, Lịch sử, Khoa học chính trị, Văn học, Việt Nam học, Ngôn ngữ học, Báo chí học, Du lịch học, Đông phương học (học bổ sung BTKT 24 tín chỉ, yêu cầu 1 năm công tác trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành Tôn giáo học)</p> <p>Các ngành khác: học bổ sung 31 tín chỉ (yêu cầu 2 năm công tác trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành Tôn giáo học)</p>
34.	Triết học/Triết học	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.	Giáo dục công dân, Lịch sử, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Xã hội học, Tâm lí học, Kinh tế chính trị, Văn hóa học.
35.	Văn học/ Văn học dân gian	Văn học, Sư phạm ngữ văn	Nghệ thuật học, Văn hóa học, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Việt Nam học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Báo chí -

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần/ khác
			Truyền thông
36.	Văn học/Lí luận văn học	Văn học, Sư phạm ngữ văn	Nghệ thuật học, Văn hóa học, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Việt Nam học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài, Hán Nôm, Lịch sử, Triết học, Tôn giáo học, Báo chí.
37.	Văn học/Văn học nước ngoài	Văn học, Sư phạm ngữ văn	Nghệ thuật học, Văn hóa học, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Việt Nam học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Báo chí truyền thông.
38.	Văn học/Văn học Việt Nam	Văn học, Sư phạm ngữ văn	Nghệ thuật học, Văn hóa học, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Việt Nam học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài, Hán Nôm, Báo chí truyền thông.
39.	Việt Nam học	Việt Nam học, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam và sinh viên tốt nghiệp ngành Tiếng Việt tại các Trường Đại học ở nước ngoài.	Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Triết học, Báo chí, Nhân học, Quốc tế học, Luật học, Quản lý xã hội, Chính trị học, Hán Nôm, Xã hội học, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Địa lý học, Khoa học môi trường, Kinh tế học, các ngành thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (mã số 5222202)

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần/ khác
40.	Xã hội học/Xã hội học	Xã hội học	Công tác xã hội, Tâm lí học, Triết học, Nhân học, Khoa học quản lí, Chính trị học, Sử học

Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC MÔN THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2018

TT	Tên chuyên ngành	Mã số	Môn cơ bản	Môn cơ sở
1.	Báo chí học	60 32 01 01	Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông đại chúng	Lý luận báo chí truyền thông
2.	Châu Á học	60 31 06 01	Đại cương văn hóa VN	Văn hóa-văn minh phương Đông
3.	Chính sách công	60 34 04 02	Luật Hành chính	Khoa học chính sách
4.	Chính trị học	60 31 02 01	Chính trị học đại cương	Lịch sử học thuyết chính trị
5.	Chính trị học (định hướng ứng dụng)	60 31 02 01	Chính trị học đại cương	Lịch sử học thuyết chính trị
6.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	60 22 03 08	Triết học Mác Lênin cho chuyên triết	Chủ nghĩa xã hội khoa học đại cương

TT	Tên chuyên ngành	Mã số	Môn cơ bản	Môn cơ sở
7.	Công tác xã hội	60 90 01 01	Công tác xã hội đại cương	Hành vi con người và môi trường xã hội
8.	Công tác xã hội (định hướng ứng dụng)	60 90 01 01	Công tác xã hội đại cương	Hành vi con người và môi trường xã hội
9.	Du lịch	QHX.M-02	Đại cương văn hóa Việt Nam	Cơ sở du lịch học
10.	Hán - Nôm	60 22 01 04	Văn tự học Hán Nôm	Hán Nôm cơ sở
11.	Hồ Chí Minh học	60 31 02 04	Chính trị học đại cương	Lịch sử học thuyết chính trị
12.	Khảo cổ học	60 22 03 17	Phương pháp luận sử học	Lịch sử Việt Nam
13.	Khoa học quản lý	QHX.M-03	Lịch sử tư tưởng quản lý	Khoa học quản lý đại cương
14.	Khoa học thông tin-thư viện	60 32 02 03	Thư viện học đại cương	Thông tin học
15.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	60 22 03 15	Phương pháp luận sử học	Lịch sử Việt Nam
16.	Lịch sử sử học và sử liệu học	60 22 03 16	Phương pháp luận sử học	Lịch sử Việt Nam

TT	Tên chuyên ngành	Mã số	Môn cơ bản	Môn cơ sở
17.	Lịch sử thế giới	60 22 03 11	Phương pháp luận sử học	Lịch sử Việt Nam
18.	Lịch sử văn hóa Việt Nam	QHX.M-01	Phương pháp luận sử học	Lịch sử Việt Nam
19.	Lịch sử Việt Nam	60 22 03 13	Phương pháp luận sử học	Lịch sử Việt Nam
20.	Lưu trữ học	60 32 03 01	Công tác văn thư	Lý luận và phương pháp công tác lưu trữ
21.	Lưu trữ học (định hướng ứng dụng)	60 32 03 01	Công tác văn thư	Lý luận và phương pháp công tác lưu trữ
22.	Lý luận văn học	60 22 01 20	Lý luận văn học	Văn học Việt Nam
23.	Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh-truyền hình	60 21 02 31	Đại cương văn hóa Việt Nam	Nhập môn nghệ thuật học
24.	Ngôn ngữ học	60 22 02 40	Ngôn ngữ học đại cương	Cơ sở Việt ngữ học
25.	Nhân học	60 31 03 02	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	Nhân học đại cương

TT	Tên chuyên ngành	Mã số	Môn cơ bản	Môn cơ sở
26.	Quan hệ quốc tế	60 31 02 06	Lịch sử quan hệ quốc tế	Quan hệ đối ngoại VN từ năm 1945 đến nay
27.	Quản lý khoa học và công nghệ	60 34 04 12	Lý thuyết hệ thống	Khoa học luận
28.	Quản lý khoa học và công nghệ (định hướng ứng dụng)	60 34 04 12	Lý thuyết hệ thống	Khoa học luận
29.	Quản trị văn phòng	60 34 04 06	Quản trị học	Quản trị văn phòng
30.	Tâm lý học	60 31 04 01	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học xã hội
31.	Tâm lý học lâm sàng (định hướng ứng dụng)	QHX.M-04	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học lâm sàng đại cương
32.	Tôn giáo học	60 22 90 01	Xét tuyển theo đề án	Xét tuyển theo đề án
33.	Tôn giáo học (định hướng ứng dụng)	60 22 90 01	Xét tuyển theo đề án	Xét tuyển theo đề án
34.	Triết học	60 22 03 01	Triết học Mác Lênin cho chuyên triết	Lịch sử triết học

TT	Tên chuyên ngành	Mã số	Môn cơ bản	Môn cơ sở
35.	Văn học dân gian	60 22 01 25	Lý luận văn học	Văn học Việt Nam
36.	Văn học nước ngoài	60 22 02 45	Lý luận văn học	Văn học Việt Nam
37.	Văn học Việt Nam	60 22 01 21	Lý luận văn học	Văn học Việt Nam
38.	Việt Nam học	60 22 01 13	Nhập môn Việt Nam học	Cơ sở văn hóa VN
39.	Xã hội học	60 31 03 01	Phương pháp nghiên cứu xã hội học	Lịch sử xã hội học

Phụ lục 3 – Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương cấp độ 3/6 khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc sử dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ tại ĐHQGHN

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số thứ tiếng khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
Cấp độ 3	TRKI 1	DELTA B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4	TOPIK 3

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, thí sinh cần gửi đến Cục Đảm bảo chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

**Phụ lục 4 – Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong
tuyển sinh thạc sĩ tại ĐHQGHN**

1. Chứng chỉ B1

STT	Cơ sở đào tạo	Chứng chỉ B1 được công nhận				
		Tiếng Anh	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN	√	√	√	√	√
2.	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng	√	√			
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế	√	√	√	√	
4.	Trường ĐH SP TP Hồ Chí Minh	√	√	√	√	
5.	Trường Đại học Hà Nội	√	√	√	√	√

2. Các chứng chỉ tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận					
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam PET	BEC Preliminary	BULATS
1.	Educational Testing Service (ETS)		√	√			
2.	British Council	√					

	(BC)						
3.	International Development Program (IDP)	√					
4.	Cambridge ESOL	√			√	√	√

3. Một số thứ tiếng khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận					
		<i>tiếng Nga</i>	<i>tiếng Pháp</i>	<i>tiếng Đức</i>	<i>tiếng Trung</i>	<i>tiếng Nhật</i>	<i>tiếng Hàn</i>
		TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4	TOPIK 3
1.	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga	√					
2.	Trung tâm Văn hóa Pháp		√				
3.	Viện Goethe Việt Nam			√			
4.	Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc				√		
5.	Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản					√	

6.	Viện chương trình và đánh giá Hàn Quốc (KICE)						√
----	---	--	--	--	--	--	---

Phụ lục 5

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG/PHÙ HỢP VÀ NGÀNH GẦN XÉT TUYỂN TIẾN SĨ

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần
1.	Báo chí học/Báo chí học	Báo chí học/Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng	Ngôn ngữ, Văn học, Chính trị học
2.	Chính trị học/Chính trị học	Chính trị học/ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Hồ Chí Minh học, Quan hệ quốc tế	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển, Xã hội học, Địa lí học, Châu Á học, Đông phương học, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Luật quốc tế, Việt Nam học.
3.	Chính trị học/Hồ Chí Minh học	Chính trị học/Xây dựng đảng và Chính quyền nhà nước, Quan hệ quốc tế	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển, Xã hội học, Địa lý học, Châu Á học, Đông phương học, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Luật quốc tế, Việt Nam học.
4.	Công tác xã hội/Công tác xã hội	Công tác xã hội	Xã hội học, Tâm lí học, Tâm lí học lâm sàng, Nhân học, Tâm lí học lâm sàng trẻ em và vị thành niên (của Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN)

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần
5.	Du lịch	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Việt Nam học, Địa lí học, Kinh tế và quản lí du lịch (đang đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội), Quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn (đang đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội), Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại
6.	Đông phương học/Đông Nam Á học	Đông phương học/Khu vực học, Việt Nam học, Văn hóa và ngôn ngữ phương Đông, Châu Á học	Quốc tế học, Quan hệ quốc tế, Kinh tế đối ngoại, Lịch sử thế giới, Văn học nước ngoài, Tôn giáo học, Nhân học, Chính trị học, Tiếng Anh
7.	Đông phương học/Trung Quốc học	Khu vực học, Ngôn ngữ Văn hóa Trung Quốc, Châu Á học, Trung Quốc học (trong đó, người đã theo học tại các trường Đại học của Trung Quốc, Đài Loan hoặc các quốc gia và khu vực phù hợp được ưu tiên xét tuyển)	Quốc tế học, Quan hệ Quốc tế, Việt Nam học, Lịch sử Trung Quốc, Văn học Trung Quốc, Văn hoá và ngôn ngữ phương Đông
8.	Hán Nôm/Hán Nôm	Hán Nôm/ Ngữ văn Hán Nôm	
9.	Lịch sử/Dân tộc học	Dân tộc học	Lịch sử, Nhân học

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần
10.	Lịch sử/Khảo cổ học	Lịch sử/Khảo cổ học	Lịch sử sử học và sử liệu học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam.
11.	Lịch sử/Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử/Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử sử học và sử liệu học, Khảo cổ học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam.
12.	Lịch sử/Lịch sử sử học và sử liệu học	Lịch sử/Khảo cổ học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử Việt Nam.	
13.	Lịch sử/Lịch sử thế giới	Lịch sử/Lịch sử thế giới	Lịch sử sử học và sử liệu học, Khảo cổ học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử Việt Nam
14.	Lịch sử/Lịch sử Việt Nam	Lịch sử/Lịch sử Việt Nam	Lịch sử sử học và sử liệu học, Khảo cổ học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử thế giới
15.	Lưu trữ học	Lưu trữ học	Khoa học thư viện, Bảo tồn bảo tàng

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần
16.	Ngôn ngữ học/ Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam	Ngôn ngữ học/Lí luận ngôn ngữ, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng.	Hán Nôm, Ngoại ngữ, Việt Nam học (có luận văn về tiếng Việt), Đông phương học (có luận văn về ngôn ngữ), Văn học (có luận văn về ngôn ngữ văn học), Nhân học (có luận văn về nhân học ngôn ngữ), Báo chí - Truyền thông (có luận văn về ngôn ngữ báo chí hoặc biên tập xuất bản)
17.	Ngôn ngữ học/Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ Việt Nam/Việt ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng	Hán Nôm, Ngoại ngữ, Việt Nam học (có luận văn về tiếng Việt), Đông phương học (có luận văn về ngôn ngữ học), Văn học (có luận văn về ngôn ngữ văn học), Nhân học (có luận văn về ngôn ngữ văn học), Báo chí - Truyền thông (có luận văn về ngôn ngữ báo chí hoặc biên tập xuất bản)
18.	Ngôn ngữ học/Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu	Ngôn ngữ Việt Nam/Việt ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ học/Lí luận ngôn ngữ, Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng	Hán Nôm, Ngoại ngữ, Việt Nam học (có luận văn về tiếng Việt), Đông phương học (có luận văn về ngôn ngữ học), Văn học (có luận văn về ngôn ngữ văn học), Nhân học (có luận văn về nhân học ngôn ngữ), Báo chí – Truyền thông (có luận văn về ngôn ngữ báo chí hoặc biên tập xuất bản)
19.	Ngôn ngữ học/Ngôn ngữ Việt Nam	Ngôn ngữ học/Lí luận ngôn ngữ, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam,	Hán Nôm, Ngoại ngữ, Việt Nam học (có luận văn về tiếng Việt), Đông phương học (có luận văn về ngôn ngữ học), Văn học (có luận văn về ngôn ngữ văn học), Nhân học (có luận văn về nhân học ngôn ngữ), Báo chí - Truyền thông (có luận văn về ngôn ngữ báo chí hoặc biên tập xuất bản)

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần
		Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng	ngữ văn học), Nhân học (có luận văn về nhân học ngôn ngữ), Báo chí - Truyền thông (có luận văn về ngôn ngữ báo chí và biên tập xuất bản).
20.	Quản lý khoa học và công nghệ	Quản lý Khoa học và Công nghệ/Chính sách Khoa học và Công nghệ/ Khoa học quản lý	Quản lý công, Chính sách công, Hành chính công, Quản lý nhân lực, Quản trị kinh doanh, Chính trị học, Quản lý kinh tế, Khoa học môi trường, Điều khiển học kinh tế, Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp, Thông tin học, Công nghệ thông tin, Công nghệ sinh học, Công nghệ vật liệu, Công nghệ môi trường, Công nghệ thực phẩm, Quản lý giáo dục, Quản lý du lịch
21.	Quốc tế học/Quan hệ quốc tế	Quốc tế học/Quan hệ quốc tế	Lịch sử thế giới, Kinh tế quốc tế, Luật quốc tế, Chính trị quốc tế, Châu Á học/Đông phương học, Châu Âu học, Châu Mỹ học, Truyền thông/Thông tin đối ngoại
22.	Tâm lý học/Tâm lý học	Tâm lý học/ Tâm lý giáo dục	Công tác xã hội, Xã hội học
23.	Thông tin học/Khoa học Thông tin – thư viện	Khoa học thư viện, Thông tin – Thư viện	Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Lưu trữ học, Quản trị văn phòng
24.	Triết học/Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử	Triết học/Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử	Triết học, Đạo đức học, Mỹ học, Logic học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học.

TT	Ngành/Chuyên ngành	Ngành đúng/phù hợp	Ngành gần
25.	Triết học/Chủ nghĩa xã hội khoa học	Triết học/Chủ nghĩa xã hội khoa học	Triết học, Đạo đức học, Mỹ học, Logic học, Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, Tôn giáo học
26.	Tôn giáo học/Tôn giáo học	Tôn giáo học/Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học	Xã hội học, Khoa học quản lí, Nhân học, Lịch sử, Việt Nam học, Khoa học chính trị, Hán Nôm, Văn học Trung Quốc, Văn học Việt Nam (chuyên sâu về văn học Việt Nam cổ trung đại)
27.	Văn học/ Văn học dân gian	Văn học dân gian	Văn học Việt Nam, Lí luận văn học, Văn học nước ngoài, Hán Nôm.
28.	Văn học/Lí luận văn học	Lí luận văn học	Văn học nước ngoài, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian
29.	Văn học/Văn học nước ngoài	Văn học nước ngoài	Văn học dân gian, Lí luận văn học, Văn học Việt Nam
30.	Văn học/Văn học Việt Nam	Văn học Việt Nam	Văn học dân gian, Lí luận văn học, Văn học nước ngoài, Hán Nôm
31.	Xã hội học/Xã hội học	Xã hội học	Tất cả các ngành thạc sĩ và có bằng tốt nghiệp đại học ngành Xã hội học

**Phụ lục 6 - Bảng tham chiếu chứng chỉ Ngoại ngữ sử dụng trong tuyển sinh trình độ
tiên sĩ tại ĐHQGHN**

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

PHỤ LỤC 7

HƯỚNG DẪN THỦ TỤC DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2018

I. Phương thức và chỉ tiêu tuyển sinh:

- **Phương thức:** *Xét tuyển (bao gồm xét duyệt hồ sơ và phỏng vấn)*
- **Chỉ tiêu:** Theo chỉ tiêu đã được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt

II. Thủ tục hồ sơ

Thí sinh có nhu cầu đăng kí xét tuyển đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tôn giáo học (định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng) phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Về văn bằng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc ngành phù hợp với chuyên ngành Tôn giáo học.
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần hoặc ngành khác (*trường hợp này, thí sinh phải có chứng chỉ bổ túc kiến thức đại học ngành Tôn giáo học*)
Danh mục ngành đúng/phù hợp hoặc ngành gần/ngành khác (**xem Phụ lục 1**)

2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:

- Thí sinh có văn bằng tốt nghiệp đại học loại Khá ngành Tôn giáo học hoặc các ngành phù hợp với ngành Tôn giáo học (gồm các ngành: Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Giáo dục chính trị.) được phép đăng kí xét tuyển ngay.
- Thí sinh có văn bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Tôn giáo học (**xem Phụ lục 1**) *phải có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký xét tuyển* tính từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học.
- Thí sinh có văn bằng tốt nghiệp đại học các ngành khác *phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự tuyển* tính từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học và chỉ được phép đăng kí xét tuyển chuyên ngành Tôn giáo học định hướng ứng dụng.

3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (*theo mẫu 1 kèm theo*)
- Phiếu cung cấp thông tin xét tuyển (*theo mẫu 2 kèm theo*)
- Minh chứng đã hoàn thành năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (**xem Phụ lục 3 và Phụ lục 4**)
- Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học
- Bản sao công chứng bằng điểm đại học
- Bản sao chứng chỉ bổ túc kiến thức đại học ngành Tôn giáo học đối với thí sinh thuộc nhóm đối tượng ngành gần và ngành khác (*nếu có*).

- 02 ảnh chân dung khổ 3 x4 cm (mặt sau ảnh ghi rõ thông tin: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh)

III. Thang điểm và tiêu chí đánh giá xét tuyển:

1. **Thang điểm:** điểm tối đa là **100 điểm**. Thang điểm chi tiết được quy định như sau:

- Năng lực học tập được thể hiện ở kết quả học tập đạt được ở bậc cử nhân: tối đa **25 điểm**
- Năng lực ngoại ngữ: tối đa **10 điểm**
- Kinh nghiệm công tác: tối đa **10 điểm**
- Phiếu thông tin xét tuyển: tối đa **15 điểm**
- Phỏng vấn: tối đa **40 điểm**

2. **Tiêu chí đánh giá:**

Thí sinh được công nhận đủ điều kiện xét tuyển khi đáp ứng tất cả các điều kiện về thủ tục hồ sơ và phải đạt tổng mức điểm từ **50 điểm** trở lên.

Thí sinh được công nhận trúng tuyển khi đáp ứng điều kiện trên và theo thứ tự điểm tổng từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu đã được phê duyệt

IV. Kế hoạch xét tuyển và tổ chức đào tạo

1. Kế hoạch xét tuyển

TT	Công việc	Thời gian
1	Thu nhận hồ sơ	Đến hết ngày 06/4/2018
2	Thông báo danh sách phỏng vấn	Trước ngày 20/4/2018
3	Phỏng vấn thí sinh	Từ ngày 21/4 đến 29/4/2018
4	Thông báo kết quả xét tuyển	Dự kiến từ ngày 12/5/2018
5	Triệu tập thí sinh trúng tuyển	Trước 29/5/2018

2. Kế hoạch tổ chức đào tạo

2.1. Khai giảng: tháng 6 năm 2018

2.2. Thời gian đào tạo toàn khóa: từ 18 - 24 tháng.

V. LỆ PHÍ

1. Lệ phí đăng kí và xét tuyển: **300.000đ/thí sinh**

2. Phương thức nộp lệ phí:

- Nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo, phòng 601 nhà E, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

- Chuyển khoản:

+ Đơn vị thụ hưởng: **Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn**

+ Số tài khoản: **2221.0000.656.899**; tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Thanh Xuân (BIDV Thanh Xuân)

Khi chuyển khoản ghi rõ các thông tin: *Họ tên người dự thi; Ngày sinh; Lệ phí dự tuyển Thạc sĩ chuyên ngành Tôn giáo học*

Ghi chú: Đối với các lớp tổ chức tuyển sinh ngoài Trường (theo định hướng ứng dụng), ngoài lệ phí trên sẽ có dự trừ kinh phí riêng đối với việc tổ chức Hội đồng đánh giá hồ sơ và phỏng vấn thí sinh tại địa điểm mở lớp. Việc thu lệ phí sẽ ủy quyền cho cơ sở phối hợp đào tạo thu và nộp lại cho Trường ĐHKHXHNV khi kết thúc hạn nộp hồ sơ.

VI. THÔNG TIN TUYỂN SINH

- Phòng Đào tạo - bộ phận tuyển sinh (phòng 601 nhà E), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội .

Điện thoại: (04) 3858.3957 Email: tuyensinhsdh.ussd@gmail.com

Fanpage: <https://www.facebook.com/tuyensinhsaudaihocUSSH>

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH TÔN GIÁO HỌC NĂM 2018

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết hoa):..... 2. Giới tính: 3. Nơi sinh:.....

4. Ngày, tháng, năm sinh:.....5. Dân tộc:.....6. Tôn giáo:.....

7. Email:.....8. Điện thoại di động:.....

9. Số chứng minh nhân dân/ căn cước công dân:.....

10. Cơ quan công tác:

11. Chức vụ:..... 12. Thâm niên trong lĩnh vực dự thi:.....

13. Chuyên môn:

14. Hộ khẩu thường trú:

15. Nơi ở hiện nay:

16. Tốt nghiệp đại học năm: ngành

tại (cơ sở đào tạo):

hệ đào tạo:

hạng tốt nghiệp:

B. ĐĂNG KÝ DỰ THI

17. Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Mã đơn vị: **QHX**

18. Bậc đào tạo: thạc sĩ

19. Chuyên ngành: *Tôn giáo học*

C. TRẠNG THÁI ĐĂNG KÝ

20. Lệ phí ĐKDT: Đã nộp/chưa nộp:

21. Văn bằng/Chứng chỉ ngoại ngữ:.....

22. Bổ túc kiến thức (*ghi rõ: đã hoàn thành/chưa hoàn thành/không*):

Xác nhận của thí sinh:

Tôi đã tìm hiểu đầy đủ thông tin về chuyên ngành đào tạo ĐKDT, các quy định tuyển sinh sau đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo.

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng các quy định và Quy chế tuyển sinh sau đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo.

Gửi **Phiếu Đăng ký dự thi** của tôi vào địa chỉ Email:

Ngày tháng năm 2018

(*Họ tên, chữ ký của người đăng ký dự thi*)

MẪU 2

PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN XÉT TUYỂN
CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH TÔN GIÁO HỌC

A. THÔNG TIN CHUNG

Các thông tin cá nhân:

Họ và tên:

Nam

Nữ

Ngày sinh:/...../.....

Nơi sinh:.....

Nơi ở hiện tại:

Cơ quan, đơn vị công tác:

Chức vụ hiện tại:

B. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG HỌC TẬP CỦA ỨNG VIÊN

1. Anh/chị hãy giới thiệu tóm tắt thành tích trong quá trình học tập của bản thân?

.....

2. Yếu tố nào có ảnh hưởng lớn nhất đến quyết định lựa chọn trường và chuyên ngành học đại học của anh/chị?

.....

3. Học thạc sĩ chuyên ngành Tôn giáo học có vai trò thế nào đối với người làm công tác tôn giáo?

.....

4. Lí do anh/chị lựa chọn đăng ký dự tuyển chương trình thạc sĩ chuyên ngành Tôn giáo học?

.....

5. Nêu tối đa 3 lợi thế giúp anh/chị có thể theo học tốt chương trình thạc sĩ chuyên ngành Tôn giáo học?

.....

C. KINH NGHIỆM CÔNG TÁC VÀ LÃNH ĐẠO

6. Hãy giới thiệu khái quát về quá trình công tác của anh/chị?

.....

7. Theo anh/chị, một nhà quản lí về tôn giáo hay một người làm công tác tôn giáo cần có những tố chất gì?

(Liệt kê tối đa 3 tố chất theo thứ tự mà anh/chị cho là quan trọng nhất, có phân tích ngắn gọn mỗi tố chất)

.....

8. Hãy nêu kinh nghiệm xử lí một tình huống về vấn đề tôn giáo (hoặc có liên quan) mà anh/chị cho là thành công nhất?

(Nêu cụ thể một tình huống mà anh/chị gặp phải và cách thức giải quyết, nhận định của anh/chị về cách giải quyết khi đó; nếu bây giờ gặp lại tình huống tương tự thì anh/chị sẽ có những thay đổi gì trong cách xử lí)

.....

....., ngày tháng năm 20...

Ứng viên kí và ghi rõ họ, tên